CÔNG BỐ THÔNG TIN DANH MỤC THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VNFINSELECT

Kỳ: tháng 10/2023

Stt	Mã cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free - float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	3,884,050,358	90%	100%	
2	AGR	CTCP Chứng khoán Argibank	215,391,262	30%	100%	
3	APG	CTCP Chứng Khoán APG	153,621,942	90%	100%	
4	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	117,276,895	15%	100%	
5	BID	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	5,058,523,816	4%	100%	
6	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	120,586,383	30%	100%	
7	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV	202,277,467	13%	100%	
8	BVH	Tập Đoàn Bảo Việt	742,322,764	10%	100%	
9	CTG	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	4,805,750,609	15%	100%	
10	CTS	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	148,701,349	25%	100%	
11	EIB	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	1,740,871,534	90%	100%	
12	EVF	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	702,128,062	100%	100%	
13	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T	339,933,034	70%	100%	
14	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	214,564,987	55%	100%	
15	HCM	CTCP Chứng Khoán TPHCM	457,211,949	50%	100%	
16	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	2,892,550,610	70%	100%	
17	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	2,557,616,416	90%	100%	
18	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	5,214,084,052	55%	100%	
19	MIG	Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội	172,672,500	35%	100%	
20	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	2,000,000,000	85%	100%	
21	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	2,054,824,294	55%	100%	
22	ORS	CTCP Chứng khoán Tiên Phong	200,000,000	85%	100%	
23	SHB	Ngân hàng TMCP Sài gòn - Hà Nội	3,618,901,927	80%	100%	
24	SSB	Ngân hàng TMCP Đông nam Á	2,453,700,000	55%	100%	
25	SSI	CTCP Chứng Khoán SSI	1,499,138,669	70%	100%	
26	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1,885,215,716	100%	100%	
27	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	3,517,238,514	65%	100%	
28	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2,201,635,009	60%	100%	
29	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	151,314,672	60%	100%	
30	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	5,589,091,262	11%	100%	
31	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	437,500,000	70%	100%	
32	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	210,000,000	40%	100%	
33	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2,536,807,534	55%	100%	
34	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	669,444,725	95%	100%	
35	VND	CTCP Chứng khoán Vndirect	1,217,844,009	75%	100%	
36	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	6,743,423,601	70%	100%	